

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 6 – 2026
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bạo;

Bà Lê Thị Xuân Đào.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 583/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phan Thành C, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* bà Trần Khánh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh.

(ông C và bà L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phan Thành C trình bày: ông và bà Trần Khánh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nay là xã A, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên không tìm được tiếng nói chung nên ông và bà L đã ly thân cho đến nay.

Về hôn nhân: ông Phan Thành C yêu cầu ly hôn với bà Trần Khánh L.

Về nuôi con chung: ông Phan Thành C xác định ông và bà L có 02 con chung là Phan Thị Minh T, sinh ngày 07/3/2011 và Phan Minh T1, sinh ngày 17/12/2015.

Khi ly hôn, ông C xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: ông Phan Thành C xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Khánh L vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 25/5/2026 như sau: bà L thống nhất lời trình bày của ông C về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống; con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà L đồng ý ly hôn với ông C. Khi ly hôn, bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản và nợ chung thì bà L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Phan Thành C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Khánh L. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bà L hiện đang cư trú tại xã A, tỉnh Tây Ninh. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3 –Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Nguyên đơn là ông Phan Thành C và bị đơn là bà Trần Khánh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về hôn nhân: xét thấy, ông Phan Thành C và bà Trần Khánh L tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 đăng ký ngày 27/4/2010 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa ông Phan Thành C và bà Trần Khánh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Thấy rằng, quá trình chung sống giữa ông C và bà L đã phát sinh mâu thuẫn như lời ông C và bà L trình bày và từ khi sống ly thân cho đến nay, các bên không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về nuôi con chung: ông Phan Thành C và bà Trần Khánh L thống nhất xác định có 02 con chung là Phan Thị Minh T, sinh ngày 07/3/2011 và Phan Minh T1, sinh ngày 17/12/2015.

Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Tại thời điểm xét xử, cháu T và cháu T1 đã trên 07 tuổi và có nguyện

vọng sống với ông C và hiện tại do ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Trên cơ sở đề nghị của ông C, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và học tập nên khi ly hôn, ông C xin được tiếp tục nuôi cháu T và cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao cháu T và cháu T1 cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về chia tài sản chung và nợ chung: ông Phan Thành C và bà Trần Khánh L thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: buộc ông Phan Thành C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thành C.

1. Về hôn nhân: ông Phan Thành C được ly hôn với bà Trần Khánh L.

2. Về nuôi con chung: ông Phan Thành C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phan Thị Minh T, sinh ngày 07/3/2011 và Phan Minh T1, sinh ngày 17/12/2015 (hiện do ông C đang nuôi dưỡng). Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông C không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: ông Phan Thành C và bà Trần Khánh L thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: buộc ông Phan Thành C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010185 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông C đã nộp đủ tiền án phí. Bà L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 – Tây Ninh;
- UBND xã An Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Vụ